

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	1101010760	Nguyễn Ngọc	An	05/11/2005	TC11A	000001	836	2.60	01
2	1101010762	Nông Quốc	An	14/02/2005	TC11A	000002	184	2.20	01
3	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	000003	219	4.20	01
4	1101010774	Phạm Hoàng Phương	Anh	28/11/2004	TC11A	000004	375	3.80	01
5	1101010778	Dương Ngọc	Ánh	02/09/2005	TC11A	000005	375	3.20	01
6	1101011263	Nguyễn Việt	Cường	13/09/2005	TC11A	000006	427	2.20	01
7	1101011391	Trần Hải	Đặng	13/03/2005	TC11A	000007	691	3.00	01
8	1101010788	Nguyễn Tiến	Đạt	29/05/2005	TC11A	000008	742	2.80	01
9	1101011265	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	08/05/2005	TC11A	000009	427	3.40	01
10	1101011733	Khương Minh	Đức	11/09/2004	TC11A	000010	563	2.40	01
11	1101010795	Nguyễn Việt	Dũng	16/01/2005	TC11A	000011	742	2.60	01
12	1101010520	Trần Minh	Dũng	26/07/2005	TC11A	000012	836	3.60	01
13	1101010798	Nguyễn Thảo	Dương	01/01/2005	TC11A	000013	742	3.40	01
14	1101010799	Phạm Bình	Dương	03/07/2005	TC11A	000014	836	3.20	01
15	1101010800	Tạ Minh	Dương	03/08/2005	TC11A	000015	219	3.20	01
16	1101010801	Vũ Thùy	Dương	26/08/2005	TC11A	000016	375	3.40	01
17	1101010802	Đặng Khánh	Duy	18/01/2005	TC11A	000017	184	2.80	01
18	1101010803	Nguyễn Phương	Duy	05/12/2005	TC11A	000018	219	3.40	01
19	1101010808	Lê Ngân	Hà	22/11/2005	TC11A	000019	375	3.60	01
20	1101010811	Đỗ Thị Thúy	Hằng	12/01/2005	TC11A	000020	427	3.80	01
21	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	000021	563	3.60	01
22	1101010816	Phạm Thị	Hiền	07/01/2005	TC11A	000022	691	4.40	01
23	1101010817	Dư Quang	Hiệp	29/10/2005	TC11A	000023	184	4.40	01
24	1101011276	Đỗ Thanh	Hoa	18/12/2005	TC11A	000024	219	2.60	01
25	1101010821	Bùi Việt	Hoàng	29/11/2005	TC11A	000025	427	3.80	01
26	1101010822	Nguyễn Huy	Hoàng	30/10/2005	TC11A	000026	184	2.20	01
27	1101010827	Nguyễn Thị Hoàng	Hương	06/01/2005	TC11A	000027	691	3.20	01
28	1101010828	Phùng Thị Thu	Hương	13/12/2005	TC11A	000028	563	3.20	01

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
29	1101010830	Nguyễn Quang	Huy	14/08/2005	TC11A	000029	184	5.60	01
30	1101010831	Bùi Khánh	Huyền	21/10/2005	TC11A	000030	219	4.60	01
31	1101010834	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/08/2005	TC11A	000031	375	2.60	01
32	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	000032	427	4.20	01
33	1101010837	Phạm Trung	Khải	10/07/2005	TC11A	000033	691	3.40	01
34	1101011445	Ngô Hoàng	Lan	12/06/2005	TC11A	000034	742	5.40	01
35	1101010846	Đỗ Thị Hoàng	Linh	29/04/2005	TC11A	000035	836	5.20	01
36	1101011382	Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	000036	184	5.60	01
37	1101011332	Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	000037	219	6.40	01
38	1101010853	Lê Tuấn	Long	13/11/2005	TC11A	000038	375	5.60	01
39	1101010174	Đỗ Phương	Ly	03/01/2005	TC11A	000039	427	3.60	01
40	1101011288	Trần Khánh	Ly	15/11/2005	TC11A	000040	563	2.80	01
41	1101010180	Chu Thị Hoàng	Mai	01/11/2005	TC11A	000041	563	8.20	01
42	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	000042	691	3.00	01
43	1101010864	Đỗ Hằng	Nga	03/11/2005	TC11A	000043	836	5.00	01
44	1101011293	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	17/07/2005	TC11A	000044	184	2.80	01
45	1101010876	Nguyễn Yến	Nhi	23/03/2005	TC11A	000045	219	6.60	01
46	1101010879	Hà Thị Hồng	Nhung	05/05/2005	TC11A	000046	375	3.80	01
47	1101010237	Nguyễn Nam	Phương	26/01/2005	TC11A	000047	427	3.60	01
48	1101010887	Nguyễn Xuân	Quang	31/01/2005	TC11A	000048	563	5.00	01
49	1101011304	Đặng Thị Phương	Thảo	17/08/2005	TC11A	000049	691	3.60	01
50	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	000050	742	3.00	01
51	1101010900	Đỗ Minh	Thu	13/09/2005	TC11A	000051	742	4.00	01
52	1101011305	Nguyễn Thanh	Thu	27/01/2005	TC11A	000052	836	2.80	01
53	1101010280	Đỗ Hoài	Thương	29/03/2005	TC11A	000053	219	7.60	01
54	1101011310	Đình Quốc	Toàn	25/06/1997	TC11A	000054	375	2.60	01
55	1101010903	Lương Quỳnh	Trang	09/11/2005	TC11A	000055	427	3.40	01
56	1101011314	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/01/2005	TC11A	000056	563	6.60	01

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
57	1101021056	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/2005	TC11A	000057	691	2.40	01
58	1101011315	Phạm Thị	Trang	29/01/2004	TC11A	000058	742	3.20	01
59	1101010904	Phan Thị Huyền	Trang	10/10/2005	TC11A	000059	836	2.00	01
60	1101011250	Hoàng Quốc	Tuấn	06/11/2005	TC11A	000060	184	4.60	01
61	1101011377	Đỗ Thế	Tùng	09/10/2005	TC11A	000061	184	4.20	01
62	1101010911	Đỗ Tường	Vy	07/08/2005	TC11A	000062	184	4.20	01
63	1101010912	Nguyễn Kim	Xuân	21/03/2005	TC11A	000063	219	2.80	01
64	1101010329	Trần Thị Chiêu	Xuân	07/05/2005	TC11A	000064	375	3.00	01
65	1101011370	Đinh Thị Hải	Yến	09/03/2004	TC11A	000065	427	6.40	01
66	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	000066	563	6.40	02
67	1101060336	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/2005	KA11A	000067	691	4.20	02
68	1101060337	Hoàng Minh	Châu	27/10/2005	KA11A	000068	742	3.00	02
69	1101060048	Phạm Phương	Chi	09/11/2005	KA11A	000069	836	2.60	02
70	1101060338	Phạm Ngọc	Đại	09/03/2005	KA11A	000070	184	3.80	02
71	1101060339	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/11/2005	KA11A	000071	219	4.80	02
72	1101061075	Phùng Xuân Tân	Dũng	15/02/2005	KA11A	000072	375	2.60	02
73	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	000073	427	3.40	02
74	1101060345	Vũ Thị Thu	Hiền	06/06/2005	KA11A	000074	563	5.40	02
75	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	000075	691	4.20	02
76	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	000076	742	3.20	02
77	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	000077	836	7.20	02
78	1101060351	Quyền Hồng	Lụa	03/11/2005	KA11A	000078	184	7.60	02
79	1101061079	Đỗ Tuấn	Mạnh	01/05/2005	KA11A	000079	219	6.20	02
80	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	000080	375	6.80	02
81	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	000081	427	3.40	02
82	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	000082	563	4.00	02
83	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	KA11A	000083	691	8.60	02
84	1101060361	Bùi Thị Phương	Thùy	15/10/2005	KA11A	000084	742	5.00	02

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
85	1101061043	Hoàng Thị Phương	Thùy	08/05/2005	KA11A	000085	836	2.80	02
86	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	KA11A	000086	184	9.00	02
87	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	000087	219	6.80	02
88	1101060907	Lê Quang	Tú	09/04/2005	KA11A	000088	375	4.00	02
89	1101060367	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	12/02/2005	KA11A	000089	427	2.80	02
90	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	000090	563	3.40	03
91	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	000091	691	8.20	03
92	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	000092	742	3.00	03
93	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	000093	836	4.40	03
94	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	000094	184	3.00	03
95	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	000095	184	3.60	03
96	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	000096	219	3.60	03
97	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	000097	375	4.40	03
98	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	000098	427	3.60	03
99	1101020069	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/2003	KD11A	000099	563	3.80	03
100	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	000100	691	3.60	03
101	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	000101	742	4.40	03
102	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	000102	836	7.00	03
103	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	000103	184	3.60	03
104	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	000104	219	3.40	03
105	1101020095	Phan Thị	Hiền	05/10/2005	KD11A	000105	375	6.00	03
106	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	000106			03
107	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	000107	563	1.80	03
108	1101021358	Hoàng Phi	Hùng	17/07/2003	KD11A	000108	691	5.60	03
109	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	000109	742	4.40	03
110	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	000110	836	3.60	03
111	1101020115	Phùng Thị	Hường	07/05/2005	KD11A	000111	184	3.00	03
112	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	000112	219	3.20	03

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
113	810211730	Nguyễn Văn	Khải	18/10/2002	KD11A	000113	375	7.40	03
114	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	000114	427	4.80	03
115	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	000115	563	2.60	03
116	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	000116	691	3.60	03
117	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	000117	742	3.80	03
118	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	000118	836	3.60	03
119	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	000119	184	8.60	03
120	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	000120	219	2.00	03
121	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	000121	375	2.80	03
122	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	000122	427	4.40	03
123	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	000123	563	5.80	03
124	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	000124			03
125	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	000125	691	2.00	03
126	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	000126	742	3.20	03
127	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	000127	184	3.60	03
128	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	000128	219	3.00	03
129	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	000129	375	6.00	03
130	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	000130	427	1.80	03
131	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	000131	563	2.80	03
132	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	000132	691	9.00	03
133	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	000133	742	3.60	03
134	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	000134	836	8.60	03
135	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	000135	184	3.80	03
136	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	000136	219	4.40	03
137	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	000137	375	3.80	03
138	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	000138	427	3.80	03
139	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	000139	563	4.40	03
140	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	000140	691	7.60	03

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
141	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	000141	742	2.60	04
142	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	000142	836	5.00	04
143	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	000143	219	4.00	04
144	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	000144	375	4.20	04
145	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	000145	427	4.00	04
146	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	000146	563	7.00	04
147	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	000147			04
148	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	000148	184	4.40	04
149	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	000149	742	3.80	04
150	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	000150	691	3.40	04
151	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	000151	219	3.20	04
152	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	000152	375	3.40	04
153	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	000153	427	2.00	04
154	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	000154	563	3.20	04
155	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	000155	184	3.80	04
156	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	000156	836	3.80	04
157	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	000157	691	4.00	04
158	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	000158	742	2.60	04
159	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	000159	184	2.20	04
160	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	000160	219	6.40	04
161	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	000161	375	7.80	04
162	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	000162	427	3.00	04
163	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	000163	563	5.40	04
164	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	000164	691	4.80	04
165	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	000165	742	6.40	04
166	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	000166	836	7.60	04
167	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	KD11B	000167	184	8.60	04
168	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	000168	219	4.40	04

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
169	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	000169	375	3.00	04
170	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	000170	427	2.80	04
171	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	000171	563	4.20	04
172	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	000172	691	3.60	04
173	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	000173	742	3.20	04
174	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	000174	836	7.20	04
175	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD11B	000175	184	2.20	04
176	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	000176	219	3.20	04
177	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	000177	375	3.00	04
178	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	000178	427	2.80	04
179	1101020232	Bùi Thu	Phương	12/06/2005	KD11B	000179	563	3.40	04
180	1101020241	Trần Thị Hoài	Phương	28/07/2005	KD11B	000180	691	3.40	04
181	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	000181	742	4.20	04
182	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	000182			04
183	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	000183	836	4.80	04
184	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	000184	184	2.60	04
185	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	000185	219	3.40	04
186	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	000186	375	6.60	04
187	1101020290	Lê Thị Thuý	Tình	23/10/2005	KD11B	000187	427	3.60	04
188	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	000188	563	6.20	04
189	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	000189	691	3.20	04
190	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	000190	742	3.80	04
191	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	000191	184	0.00	bb-100%
192	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	000192	219	9.00	04
193	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	000193	375	3.20	04
194	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	000194	427	2.20	04
195	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD11C	000195	563	1.80	04
196	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	000196			05

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
197	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	000197	691	2.60	05
198	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	000198	742	4.20	05
199	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	000199	836	7.80	05
200	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	000200	184	3.80	05
201	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	000201	219	6.80	05
202	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	000202	375	3.80	05
203	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	000203	427	2.20	05
204	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	000204	563	6.60	05
205	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	000205	691	6.00	05
206	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/2005	KD11C	000206	742	4.60	05
207	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	000207	836	5.00	05
208	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	000208	836	8.80	05
209	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	000209	184	6.20	05
210	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	000210	219	5.40	05
211	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	000211	375	3.40	05
212	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	000212	427	5.80	05
213	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	000213	563	2.80	05
214	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	000214	691	4.00	05
215	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	000215	742	3.80	05
216	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	000216	184	3.80	05
217	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	000217	691	7.20	05
218	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	000218	836	2.20	05
219	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	000219	219	4.60	05
220	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	000220	375	2.80	05
221	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	000221	427	4.00	05
222	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	000222	563	3.80	05
223	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	000223	184	5.40	05
224	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	000224	219	3.80	05

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
225	1101020173	Trương Thị	Luyến	20/10/2005	KD11C	000225	375	4.20	05
226	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	000226	427	2.40	05
227	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	000227	563	2.00	05
228	1101020208	Phạm Ánh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	000228	691	2.00	05
229	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD11C	000229			05
230	1101020216	Kiều Yến	Nhi	24/10/2005	KD11C	000230	742	7.20	05
231	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	000231	836	6.20	05
232	1101021022	Chu Lan	Phương	05/07/2005	KD11C	000232	184	3.20	05
233	1101021024	Trịnh Thu	Phương	08/11/2005	KD11C	000233	219	5.20	05
234	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	000234	375	1.40	05
235	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	000235	427	5.80	05
236	1101020706	Cầm Văn	Thủ	25/01/2005	KD11C	000236	427	4.00	05
237	1101020279	Lều Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	000237	563	4.40	05
238	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	000238	691	4.20	05
239	1101020902	Đinh Thị Yến	Trang	29/01/2005	KD11C	000239	742	6.40	05
240	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	000240	836	6.60	05
241	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	000241	184	6.20	05
242	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	000242			05
243	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	000243	219	4.20	05
244	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	000244	375	8.40	05
245	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	000245	563	3.40	06
246	1101020012	Đông Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	000246	691	5.00	06
247	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	000247	691	7.00	06
248	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	000248	742	6.20	06
249	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	000249	836	3.60	06
250	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	000250	184	4.00	06
251	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	000251	219	2.60	06
252	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	000252	375	2.20	06

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
253	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	000253	427	4.60	06
254	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	000254	563	8.00	06
255	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	000255	184	7.80	06
256	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	000256	219	8.40	06
257	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	000257	375	5.60	06
258	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	000258	427	6.80	06
259	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	000259	563	7.20	06
260	1101020096	Đình Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	000260	691	8.80	06
261	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	000261	742	9.00	06
262	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	000262	836	7.00	06
263	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	000263	184	6.20	06
264	1101020108	Đình Thúy	Hồng	05/11/2005	KD11D	000264	219	6.20	06
265	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	000265	375	9.00	06
266	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	000266	427	4.00	06
267	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	000267	563	6.20	06
268	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	000268	691	8.20	06
269	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	000269	742	5.80	06
270	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	000270	836	5.60	06
271	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	000271	184	4.40	06
272	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	000272	219	5.00	06
273	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	000273	691	4.60	06
274	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	000274	563	5.80	06
275	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	000275	427	3.40	06
276	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	000276	375	5.60	06
277	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	000277	219	5.60	06
278	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	000278	184	4.60	06
279	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	000279	836	5.00	06
280	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	000280	742	6.00	06

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
281	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	000281	691	6.60	06
282	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	000282	563	5.20	06
283	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	000283	427	5.00	06
284	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	000284	375	5.40	06
285	1101020235	Lê Thị Thu	Phương	14/03/2005	KD11D	000285	742	5.60	06
286	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	000286	836	7.40	06
287	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	000287	836	4.20	06
288	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	000288	742	9.20	06
289	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	000289	691	7.20	06
290	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	000290	563	3.60	06
291	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	000291	427	2.60	06
292	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	000292	375	6.80	06
293	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	000293	219	3.40	06
294	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	000294	184	8.80	06
295	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	000295	836	3.60	06
296	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	000296	742	3.80	06
297	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	000297	691	4.80	06
298	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	000298	563	3.20	06
299	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	000299	563	4.20	06
300	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	000300	691	7.60	06
301	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	000301	427	2.60	07
302	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	000302	375	3.80	07
303	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	000303	219	4.20	07
304	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	000304	184	2.60	07
305	1101020025	Nguyễn Vân	Anh	01/12/2005	KD11E	000305	836	3.20	07
306	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	000306	742	5.00	07
307	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	000307	375	7.40	07
308	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	000308	427	6.20	07

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
309	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	000309	375	4.80	07
310	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	000310	427	4.40	07
311	1001021433	Đình Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	000311			07
312	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	000312	219	7.00	07
313	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	000313	184	2.00	07
314	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	000314	836	2.00	07
315	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	000315	742	2.80	07
316	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	000316	691	3.80	07
317	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	000317	563	1.80	07
318	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	000318	219	7.20	07
319	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	000319	184	7.80	07
320	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	000320	219	9.40	07
321	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	000321	375	7.40	07
322	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	000322	427	3.20	07
323	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	000323	563	9.20	07
324	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	000324	691	4.20	07
325	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	000325	742	5.60	07
326	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	000326	836	6.60	07
327	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	000327	184	5.60	07
328	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lệ	01/08/2005	KD11E	000328	219	8.00	07
329	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	000329	375	7.60	07
330	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	000330	427	6.60	07
331	1101020169	Đình Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	000331	563	4.20	07
332	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	000332	691	7.20	07
333	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	000333	742	4.00	07
334	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	000334	836	7.60	07
335	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	000335	184	4.00	07
336	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	000336	219	7.80	07

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
337	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	000337	375	8.40	07
338	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	000338	427	9.00	07
339	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	000339	563	3.60	07
340	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	000340	691	8.40	07
341	1101020218	Nguyễn Thị Yên	Nhi	26/10/2005	KD11E	000341	742	4.00	07
342	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	000342	836	6.40	07
343	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	000343	184	7.40	07
344	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	000344	219	3.60	07
345	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	000345	375	4.60	07
346	1101020264	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/2005	KD11E	000346	427	3.80	07
347	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	000347	563	3.60	07
348	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	000348	691	7.60	07
349	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	000349	742	6.40	07
350	1101021046	Nguyễn Thùy	Tiên	11/11/2005	KD11E	000350	836	6.80	07
351	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	000351	184	2.20	07
352	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	000352	219	7.80	07
353	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	000353	375	8.40	07
354	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	000354	427	4.20	07
355	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	000355	563	5.60	07
356	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	000356	691	3.80	07
357	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	000357			07
358	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	000358	742	3.80	08
359	1101020011	Đỗ Vân	Anh	06/10/2005	KD11G	000359	836	3.20	08
360	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	000360	184	7.60	08
361	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	000361			08
362	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	000362	219	2.60	08
363	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	000363	375	2.80	08
364	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	000364	427	3.20	08

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
365	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	000365	563	3.80	08
366	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	000366	836	4.60	08
367	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	000367	691	2.80	08
368	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	000368	742	6.20	08
369	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	000369	184	7.60	08
370	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	000370	219	4.20	08
371	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	000371	375	4.80	08
372	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	000372	427	3.80	08
373	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	000373	563	5.40	08
374	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	000374	691	6.00	08
375	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	000375	742	2.80	08
376	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	000376	836	2.00	08
377	901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	000377	184	4.80	08
378	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	000378	219	4.60	08
379	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	000379	375	4.60	08
380	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	000380	427	2.20	08
381	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	000381	563	7.60	08
382	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	000382	691	6.80	08
383	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	000383	184	4.00	08
384	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	000384	219	4.00	08
385	1101020150	Lưu Thùy	Linh	02/01/2005	KD11G	000385	375	5.40	08
386	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	000386	427	5.20	08
387	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	000387	563	6.20	08
388	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	000388	691	6.20	08
389	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	000389	742	6.00	08
390	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	000390	836	5.20	08
391	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	000391	184	5.80	08
392	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	000392	219	3.20	08

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN KỲ II 2025-2026 ĐHCQ K11
Học phần: Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL

STT	MÃ SV	Họ đệm	tên	ngày sinh	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
393	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	000393	375	5.00	08
394	1101020221	Phạm Yên	Nhi	09/08/2005	KD11G	000394	427	4.80	08
395	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	000395	563	6.20	08
396	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	000396	691	5.00	08
397	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	000397	742	7.00	08
398	1101020236	Lý Thu	Phuong	28/07/2005	KD11G	000398	836	3.20	08
399	1101021025	Vương Thị	Phuong	30/06/2005	KD11G	000399	184	8.20	08
400	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	000400	219	3.40	08
401	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	000401	375	3.40	08
402	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	000402	427	3.40	08
403	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	000403	563	4.80	08
404	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	000404	691	3.80	08
405	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	000405	742	7.00	08
406	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	000406	836	6.00	08
407	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	000407	184	5.00	08
408	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	000408	219	4.60	08
409	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	000409	375	7.80	08
410	1101020313	Đình Lê Anh	Tuấn	17/09/2005	KD11G	000410	427	5.20	08
411	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	000411	563	6.00	08
412	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	000412	691	5.60	08
413	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	000413	742	7.00	08
414	1101020332	Đỗ Hải	Yên	23/08/2005	KD11G	000414	836	6.20	08

Tổng số bài thi: 404

Hung Yên. Ngày 30 tháng 6 năm 2026

Tổng biên bản: 01

Cán Bộ Chấm 1

Nguyễn Thị Bích Hương

Cán bộ chấm 2

Nguyễn Thị Kim Dung